TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2026/HNGĐ-ST.
Ngày 27/8/2026.
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phước Thị Kim Huê;

2. Ông Lương Hữu Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ý Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Vĩnh Long *tham gia phiên toà:* Ông Đặng Chí Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13 -Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2026/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026, về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2026/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sơn Thị Sa R, sinh ngày 10/10/1981. Địa chỉ: Ấp Bảy Xào D, xã Hàm G, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lâm Văn M, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp Sóc Ch, xã Trà C, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Sơn Thị Sa R trình bày:

Về hôn nhân: Vào khoảng năm 2013, chị và anh Lâm Văn M qua thời gian quen biết và tìm hiểu khoảng hơn 3 tháng thì tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (nay là xã Hàm Giang, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Lâm Văn M có hành vi xâm hại

con gái riêng của chị nên vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay, không liên lạc. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn M.

- Về con chung tên: Lâm Văn Ngọc X, sinh ngày 18/10/2014, hiện con chị Sa R đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Lâm Văn Ngọc X, sinh ngày 18/10/2014, chị không yêu cầu anh Lâm Văn M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lâm Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân cho chị Sơn Thị Sa R được ly hôn với anh Lâm Văn M. Về con chung tên Lâm Văn Ngọc X, sinh ngày 18/10/2014 hiện tại chị Sa R đang nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển của cháu X và cháu X có nguyện vọng sống chung với chị Sa R. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sa R. Về con chung xử cho chị Sa R được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lâm Văn Ngọc X, sinh ngày 18/10/2014. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Sa R không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Sa R và anh M không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Sơn Thị Sa R phải chịu án phí theo quy định.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Sơn Thị Sa R và anh Lâm Văn M là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Sơn Thị Sa R khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Lâm Văn M, địa chỉ: Ấp Sóc Chà, xã Trà Cú, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân: Vào năm 2013, chị Sơn Thị Sa R và anh Lâm Văn M xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Từ đó xác định hôn nhân giữa chị Sa R và anh M là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án chị Sa R trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là anh M có hành vi xâm hại con gái riêng của chị và hiện anh M đang chấp hành án ở An Giang nên vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay, không liên lạc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Sa R cương quyết xin ly hôn với anh Lâm Văn M.

Tại phiên tòa, anh Lâm Văn M có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, anh M có lời trình bày giữa vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị Sơn Thị Sa R yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Sơn Thị Sa R.

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa chị Ra R và anh M có xảy ra mâu thuẫn về lối sống nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân và không liên lạc với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị Sa R xác định chị không còn tình cảm với anh M, chị cương quyết xin ly hôn với anh M. Quá trình giải quyết vụ án, anh M cũng đồng ý ly hôn với chị Sa R. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị Sa R và anh M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Sa R, về hôn nhân xử cho chị Sơn Thị Sa R được ly hôn với anh Lâm Văn M.

[3] Về con chung tên: Lâm Văn Ngọc X, sinh ngày 18/10/2014, hiện tại chị Sa R đang nuôi dưỡng. Nay chị Sa R yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con. Quá trình giải quyết vụ án, anh M không đồng ý để chị Sa R nuôi dưỡng mà anh yêu cầu giao con chung cho ông, bà nội cháu nuôi dưỡng tuy nhiên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng (không có quy định việc giao con chung cho ông bà

nuôi dưỡng nên việc anh M yêu cầu giao con chung cho ông bà nội nuôi dưỡng là không phù hợp với quy định của pháp luật). Xét thấy thời gian chị Sa R và anh M sống ly thân, chị Sa R là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chu đáo, đảm bảo sự phát triển của con. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án, cháu X có nguyện vọng sống chung với chị Sa R. Từ những phân tích nêu trên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sa R. Về con chung xử cho chị Sa R được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lâm Văn Ngọc X, sinh ngày 18/10/2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Sa R không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Sa R và anh M không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử buộc chị Sơn Thị Sa R phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung 2025;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Sơn Thị Sa R.

- Về hôn nhân: Xử cho chị Sơn Thị Sa R được ly hôn với anh Lâm Văn M.

- Về nuôi con: Chị Sơn Thị Sa R được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lâm Văn Ngọc X, sinh ngày 18/10/2014 khi ly hôn.

Anh Lâm Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Sa R không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Sơn Thị Sa R và anh Lâm Văn M không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung của vợ chồng: Chị Sơn Thị Sa R và anh Lâm Văn M không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Sơn Thị Sa R phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Sa R đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010427, ngày 28 tháng 5 năm 2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Chị Sa R đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự"

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV 13 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.